

GIẢI MÃ ETF | Phòng Tư vấn đầu tư Khách hàng cá nhân

Đầu tư Chủ động hay Thụ động mang lại lợi suất tốt hơn tại Việt Nam?

Ngày viết: 30/10/2025

Nội dung chính

ETF có phải là một sự lựa chọn tốt cho nhà đầu tư cá nhân?

Báo cáo này sẽ giải đáp ba câu hỏi sau:

- 1, ETF là gì? Nhà đầu tư cá nhân có nên đầu tư vào ETF?
- 2, Giữa việc chủ động phân tích & quản lý đầu tư chuyên nghiệp và đầu tư thụ động vào ETF thì lợi suất mang lại trong dài hạn như thế nào?
3. Nên đầu tư ETF như thế nào cho hiệu quả?

Phần 1

Định nghĩa ETF vs Quỹ tương hỗ

So sánh sự khác nhau giữa chứng chỉ quỹ ETF và chứng chỉ quỹ tương hỗ

Phần 2

Thông tin các ETF tại Việt Nam

Giải mã vì sao ở Việt Nam sản phẩm này ít và chưa được ưa chuộng so với Mỹ

Phần 3

So sánh lợi suất của ETF với tiết kiệm và vàng

Đầu tư vào ETF hay để tiết kiệm và mua vàng sẽ có kết quả tốt hơn trong dài hạn?

Phần 4

So sánh lợi suất ETF với danh mục chủ động

ETF mang lại lợi suất như thế nào trong một chu kỳ uptrend – downtrend của thị trường?

Phần 5

Chiến lược đầu tư ETF hiệu quả

Đề xuất một số chiến lược cho nhà đầu tư cá nhân để đầu tư ETF hiệu quả

Bảng 1: Sự khác nhau giữa quỹ ETF và quỹ tương hỗ

Quỹ	Quỹ ETF (Quỹ Hoán đổi Danh mục)	Quỹ Tương hỗ
Định nghĩa	Là quỹ đầu tư thụ động , mô phỏng theo một chỉ số tham chiếu (ví dụ: VN30, VNFIN LEAD, VN100).	Thường là quỹ đầu tư chủ động , được quản lý bởi chuyên gia nhằm mục tiêu vượt qua chỉ số tham chiếu (đánh bại thị trường).
Niêm yết	Được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán (HOSE, HNX).	Không niêm yết trên sàn chứng khoán (open – end fund).
Cách thức giao dịch	Giao dịch khớp lệnh liên tục trong phiên (giống như cổ phiếu), cần tài khoản chứng khoán.	Giao dịch trực tiếp với Công ty Quản lý Quỹ (Cty QLQ) hoặc đại lý phân phối (ngân hàng, công ty chứng khoán).
Thời điểm giao dịch	Bất kỳ lúc nào trong giờ giao dịch của sàn (9:00 - 15:00).	Tùy vào Cty QLQ, thường là 1-3 lần/ngày giao dịch vào cuối ngày giao dịch.
Định giá	Giá biến động liên tục theo cung-cầu thị trường, Giá này có thể cao hơn (premium) hoặc thấp hơn (discount) so với NAV/ccq.	Giao dịch theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) được Cty QLQ tính toán vào cuối ngày.
Chi phí	Thấp, 1, Phí quản lý quỹ: Rất thấp (do quản lý thụ động, vd: 0,5% - 0,8%/năm), 2, Phí giao dịch: Trả cho công ty chứng khoán (như phí mua bán cổ phiếu, thường 0,1% - 0,25%/ giá trị giao dịch).	Cao hơn, 1, Phí quản lý quỹ: Cao hơn (do quản lý chủ động, vd: 1,5% - 2,5%/năm), 2, Phí mua/bán: Có thể có phí phát hành (khi mua) và/hoặc phí bán lại (rút vốn), Thường được miễn nếu nắm giữ đủ lâu hoặc có vốn đủ lớn.
Đầu tư tối thiểu	Rất thấp, Có thể mua 1 lô (thường là 100 chứng chỉ quỹ) theo giá thị trường hoặc mua lô lẻ	Rất thấp, Nhiều quỹ cho phép đầu tư lần đầu chỉ từ 500.000đ hoặc 1.000.000đ , và đầu tư định kỳ (SIP) chỉ từ 100.000đ .
Tính thanh khoản	Thanh khoản phụ thuộc vào khối lượng giao dịch trên sàn (cung-cầu), Một số ETF tại Việt Nam có thanh khoản kém, dẫn đến chênh lệch giá mua-bán cao.	Rất cao , Cty QLQ có nghĩa vụ mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư vào bất kỳ ngày giao dịch nào theo giá NAV.
Thuế (TNCN Cá nhân)	Khi bán, chịu thuế 0,1% trên tổng giá trị bán (giống như bán cổ phiếu).	Khi bán lại cho quỹ, chịu thuế 0,1% trên tổng giá trị bán.

- Sự khác biệt lớn nhất của 2 loại hình quỹ là ở **Định nghĩa, Cách thức giao dịch và Chi phí khi tham gia đầu tư vào quỹ.**
- ETF được cho là quỹ thụ động là bởi vì cty QLQ phát hành chỉ cố gắng xây dựng sao cho **danh mục có sự tương quan gần như tuyệt đối so với chỉ số tham chiếu.**
- Do bản chất chỉ cần mô phỏng đúng chỉ số nên **phí quản lý quỹ ETF thường sẽ thấp hơn so với các quỹ tương hỗ** do không cần nhiều người để nghiên cứu, lựa chọn cổ phiếu mà chủ yếu phụ thuộc vào hệ thống quản lý giao dịch.
- Các quỹ tương hỗ ở Việt Nam thường có phí cao hơn khi họ thường có mục tiêu vượt một chỉ số tham chiếu nào đó (phổ biến nhất là vượt VN-index) trong dài hạn nên sẽ có nhiều chuyên gia hơn, chi phí vận hành lớn hơn.

Nguồn: VDSC tổng hợp.

Bảng 2: Thông tin tất cả các chứng chỉ quỹ còn giao dịch tại Việt Nam

Mã ETF	Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày năm 2025 (tỷ VND)	Đơn vị quản lý	Chỉ số tham chiếu	Giá trị tài sản ròng mới nhất tới tháng 10 (Tỷ VND)	Ngày niêm yết	Phí quản lý (%NAV/năm)	Lợi suất trung bình hàng năm kể từ khi ra mắt*
FUEVFNVD	40,3	Dragon Capital	VN Diamond	13.455	12/05/2020	0,8%	22,7%
E1VFN30	24,0	Dragon Capital	VN30	5.997	06/10/2014	0,65%	10,9%
FUESSVFL	3,9	SSIAM	VNFINLEAD	531	18/03/2020	0,65%	24,3%
FUEMAV30	2,0	MiraeAsset	VN30	652	08/12/2020	0,6%	7,0%
FUEKIV30	2,0	KIM Việt Nam	VN30	2.603	07/01/2020	0,55%	5,3%
FUEVN100	1,9	Vinacapital	VN100	594	21/07/2020	0,67%	21,3%
FUEDCMID	1,0	Dragon Capital (DCVFM)	VNMidcap	364	29/09/2022	0,8%	
FUEKIVFS	0,7	KIM Việt Nam	VNFINSELECT	320	11/11/2022	0,6%	
FUETCC50	0,5	Techcom Capital	VNX50	108	11/03/2025	0,5%	
FUEMAVND	0,5	MiraeAsset	VN Diamond	329	07/04/2023	0,6%	
FUEABVND	0,5	Quản lý quỹ An Bình	VN Diamond	82	16/08/2024	0,6%	
FUESSV30	0,4	SSIAM	VN30	207	18/08/2020	0,55%	11,1%
FUESSV50	0,4	SSIAM	VNX50	141	24/10/2017	0,65%	9,5%
FUEKIVND	0,3	KIM Việt Nam	VN Diamond	80	24/04/2024	0,7%	
FUEFCV50	0,1	CTCP Quản lý quỹ FPT	VNX50	91	25/05/2023	0,65%	
FUEIP100	0,0	CTCP Quản lý quỹ IPA (VNDirect)	VN100	67	12/10/2021	0,6%	

Nguồn: VDSC tổng hợp, *Ghi chú: Lợi suất trung bình được tính bằng cách tính trung bình 200 ngày (MA200) của tất cả các chứng chỉ quỹ, sau đó tính CAGR (Tỷ lệ tăng trưởng kép) với các giá trị này, Lợi suất chỉ được thể hiện ở các quỹ có ít nhất 5 năm giao dịch để loại bỏ thiên kiến gần đây (recency bias) của dữ liệu

- **Hầu như các quỹ ETF đều được phát hành bởi các quỹ nước ngoài với tệp khách hàng nước ngoài lớn** như Dragon Capital, VinaCapital, KIM và MiareAsset, trong khi các quỹ trong nước như SSI, Techom Capital hay VNDirect đều không có được sự đón nhận của các nhà đầu tư trong nước.
- 2 quỹ có giao dịch cũng như giá trị tài sản ròng nhiều nhất được phát hành bởi quỹ Dragon Capital, với chủ yếu là các nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư gián tiếp vào thị trường chứng khoán Việt Nam.
- **Tổng giá trị tài sản ròng của các quỹ ETF này còn rất nhỏ** chỉ khoảng 25.620 tỷ tương ứng với **~0,2% GDP** trong khi con số này ở một thị trường phát triển như Mỹ là khoảng **43,6%**, Điều này cho thấy **dư địa của ngành quỹ ETF tại Việt Nam còn rất lớn** nhưng còn nhiều khó khăn **khi các chỉ số chưa thực sự đa dạng và còn rủi ro tập trung cao.**

Bảng 3: Thông tin các chỉ số tại thị trường chứng khoán Việt Nam

STT	Chỉ số	Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày của các chỉ số năm 2025 (tỷ VND)	Số lượng cổ phiếu	Lợi suất trung bình hàng năm kể từ khi ra mắt*
1	VNIT	1.129	5	33,6%
2	VNFINSELECT	11.184	40	22,9%
3	VNFINLEAD	10.455	23	22,2%
4	VNDIAMOND	6.747	19	20,3%
5	VNX50	18.552	47	15,7%
6	VNFIN	11.222	40	14,2%
7	VNMID	10.189	70	12,4%
8	VNXALL	26.915	312	11,4%
9	VNMAT	2.449	42	10,9%
10	VNCOND	1.027	30	10,3%
11	VN30	13.143	30	9,6%
12	VN100	23.331	100	9,4%
13	VNINDEX	26.342	397	9,3%
14	VNALL	25.477	285	9,0%
15	VNHEAL	56	7	6,4%
16	VNSML	2.146	185	5,8%
17	VNUTI	278	11	3,4%
18	VNSI	6.138	20	3,4%
19	VNIND	3.885	74	1,2%
20	VNENE	282	9	-0,6%
21	VNCONS	1.816	26	-2,5%

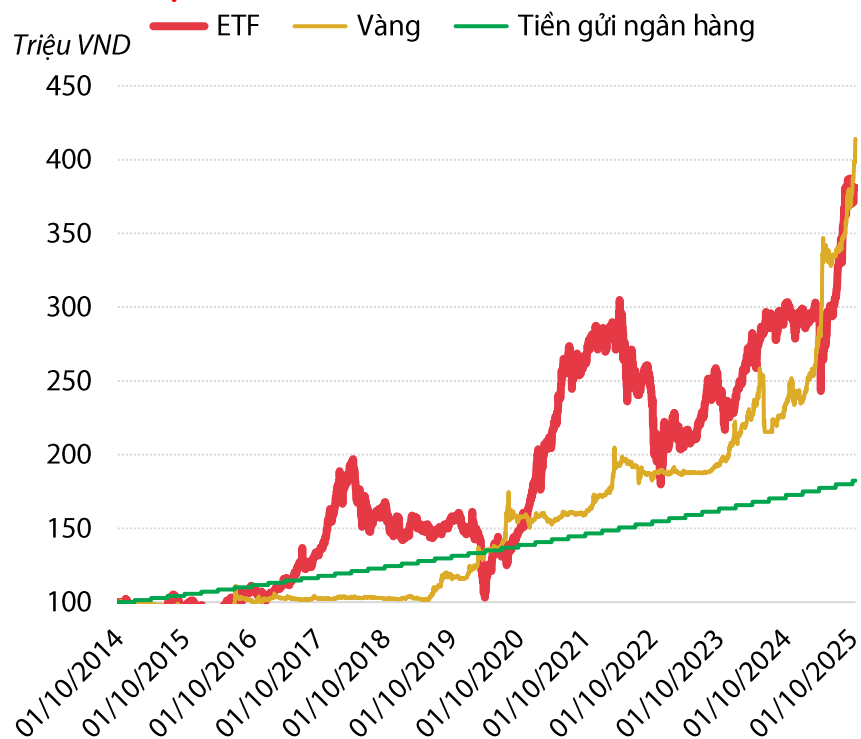
Nguồn: VDSC tổng hợp, *Ghi chú: Lợi suất trung bình được tính bằng cách tính MA 200 của tất cả các chứng chỉ quỹ, sau đó tính CAGR (Tỷ lệ tăng trưởng kép) với các giá trị này,

- Do các quỹ ETF ngoại (như VanEck, Xtrackers...) được thành lập ở nước ngoài, nên họ **bị rào cản về Room nước ngoài** và chỉ có thể chọn các chỉ số nào vừa **có lợi suất trung bình tốt, thanh khoản cao và đạt chỉ tiêu về room để xây dựng chứng chỉ quỹ ETF**. Chính vì vậy nên các chỉ số được mô phỏng nhiều nhất chính là các chỉ số được tô đậm ở bảng trên, VNIT không được mô phỏng theo dù có lợi suất tốt vì hơn 80% tỷ trọng của chỉ số này là cổ phiếu FPT và có thanh khoản thấp hơn hẳn các chỉ số còn lại.
- Ngoại trừ VNMID, **các chỉ số được chọn làm ETF có tỷ trọng lớn về mảng Ngân hàng, do đó dù gọi là “thụ động” nhưng rủi ro tập trung của các quỹ ETF rất cao khi phụ thuộc vào biến động của một nhóm ngành**. Rủi ro tập trung này có thể làm chứng chỉ quỹ ETF có mức độ biến động lớn hơn với một danh mục chủ động với tỷ trọng các ngành phân bổ đều hơn

Điều kiện giả lập

- Thời gian: **1/10/2014 (Thời điểm có ETF đầu tiên) – 17/10/2025).**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng.**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **Không có**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý.**
- Danh mục ETF:
 - Giai đoạn 1/10/2014 – 31/12/2020: **Danh mục 100% E1VFN30.**
 - Giai đoạn 1/1/2021 – 17/10/2025: **Danh mục 50% E1VFN30, 50% FUEVFN30.**
- Danh mục vàng: **100% vàng SJC giá bán ra.**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 1: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF chưa tính phí hàng năm

Hình 2: So sánh lợi suất lũy kế của 2 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp

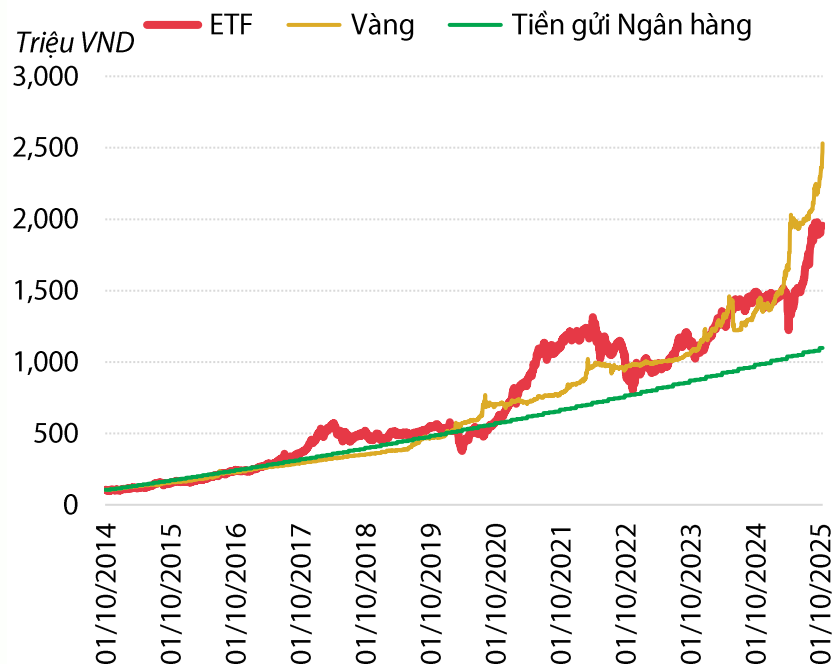
- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ đầu tháng 10/2014 thì kết quả tại ngày 17/10/2025 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **381 triệu VND**, hơn **198 triệu so với để ngân hàng** nhưng **thấp hơn 47 triệu so với việc nắm giữ vàng** khi giá vàng bắt đầu tăng nhanh từ cuối năm 2024.
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục ETF có 76% số ngày có NAV lớn hơn tài khoản ngân hàng trong khi với danh mục Vàng chỉ có 50% và đa số là sau giai đoạn 2020.**
- Lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **12,9%**, với Vàng là **14,1%** cao hơn so với mức **9,7%** của VN-index nhưng trong khoảng lớn thời gian từ 2014-2022 thì lợi suất của cả VN-index và ETF đều tốt hơn Vàng.
- **Với một chiến lược đầu tư và nắm giữ cơ bản, nhà đầu tư có thể có được kết quả rất tốt với để vào ngân hàng, khi đầu tư vào 2 chứng chỉ quỹ ETF có thanh khoản nhất thị trường là E1VFN30 (chỉ số VN30) và FUEVFN30 (chỉ số VN-diamond). Dù có kết quả gần nhất thua Vàng nhưng trong một khoảng lớn thời gian, ETF là một sự lựa chọn tốt hơn đáng kể.**

PHẦN 3: SO SÁNH LỢI SUẤT CỦA ETF VỚI TIẾT KIỆM VÀ VÀNG – GỬI TIỀN HÀNG THÁNG

Điều kiện giả lập

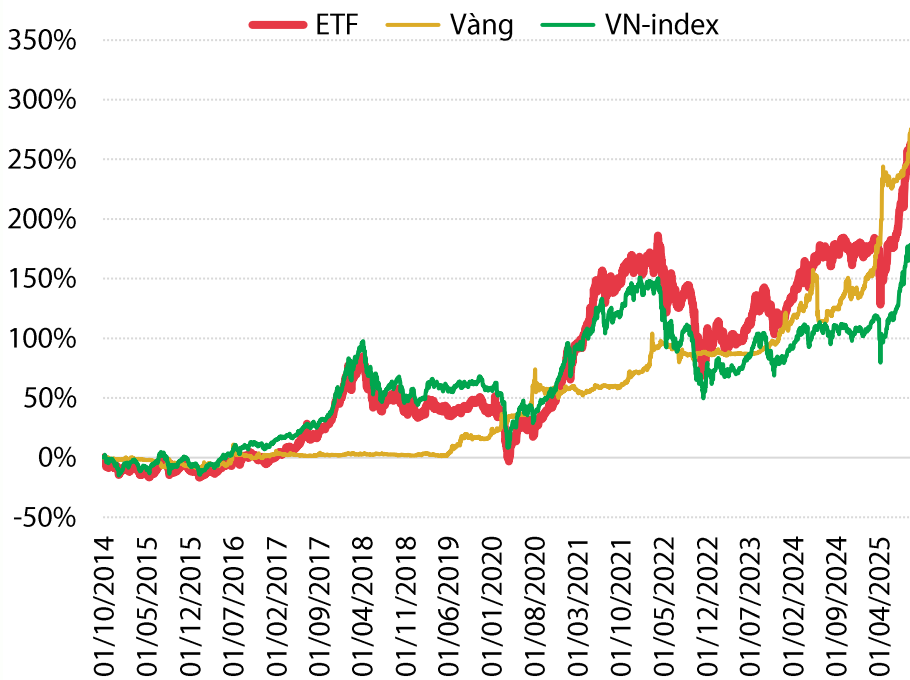
- Thời gian: **1/10/2014 (Thời điểm có ETF đầu tiên) – 17/10/2025).**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng.**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **5 triệu đồng**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý.**
- Danh mục ETF:
 - Giai đoạn 1/10/2014 – 31/12/2020: **Danh mục 100% E1VFN30.**
 - Giai đoạn 1/1/2021 – 17/10/2025: **Danh mục 50% E1VFN30, 50% FUEVFN30.**
- Danh mục vàng: **100% vàng SJC giá bán ra.**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 3: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF chưa tính phí hàng năm

Hình 4: So sánh lợi suất lũy kế* của 2 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



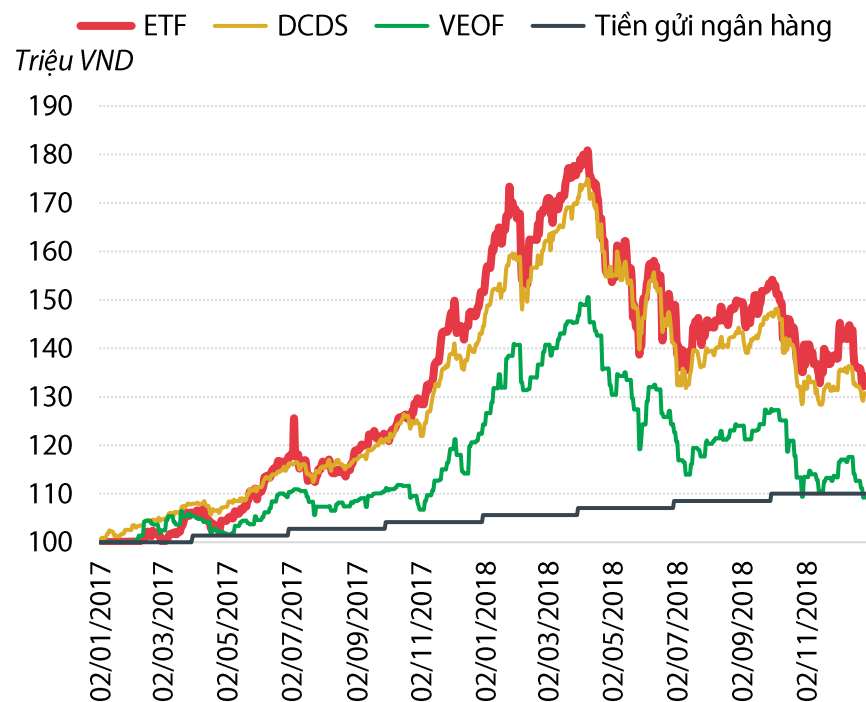
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. *Ghi chú: Lợi suất lũy kế được tính theo phương pháp TWRR để loại bỏ tác động của việc thay đổi dòng tiền ra vào trong khi tính lợi suất

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu, đầu tư và nắm giữ ETF ngay từ đầu tháng 10/2014 nhưng sẽ luôn đều đặn bỏ 5 triệu vào mỗi tháng, thì kết quả tại ngày 17/10/2025 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **1,9 tỷ VND, hơn 855 triệu so với để ngân hàng và ít hơn 577 triệu so với Vàng.**
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục ETF có 77% số ngày có NAV lớn hơn tài khoản ngân hàng trong khi với danh mục Vàng có 53%.**
- Lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **12,3%** với Vàng là **14%** cao hơn so với mức **9,7%** của VN-index khi nhóm ngành Ngân hàng (chiếm nhiều tỷ trọng trong ETF) chỉ bắt đầu tăng mạnh sau năm 2020.
- **Vàng là một khoản đầu tư có hiệu suất kém hơn ETF** trong khoảng lớn thời gian trong hơn 10 năm qua, việc vàng tăng nóng gần đây làm cho các khoản đầu tư tăng trưởng mạnh hơn và lại làm cho kết quả cuối cùng tốt hơn.
- **Điều này cho thấy chìa khóa dẫn đến một kết quả tài chính tốt trong dài hạn nằm ở việc kỷ luật và độ lớn của dòng tiền đổ vào nhiều hơn là trong từng giai đoạn phải chọn ra tài sản nào có mức tăng nhanh nhất trong ngắn hạn. Chênh lệch mức sinh lời cho thấy cả ETF và Vàng đều là 2 loại tài sản thích hợp hơn để tích sản so với tiền gửi ngân hàng.**

Điều kiện giả lập

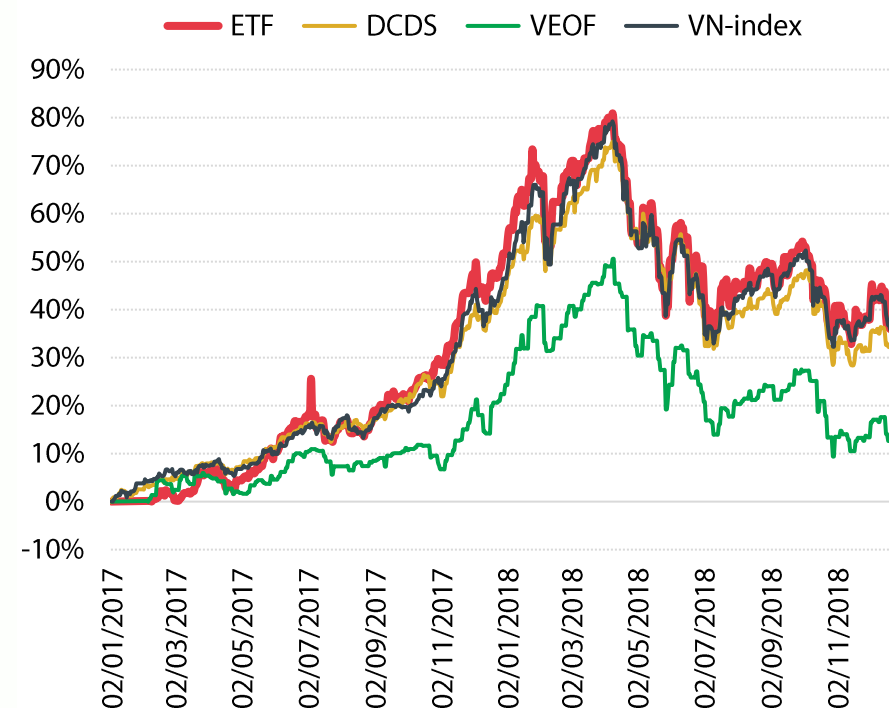
- Thời gian: **2/1/2017 – 31/12/2018 (một vòng chu kỳ uptrend-downtrend)**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng.**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **Không có**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý.**
- Danh mục ETF: **100% E1VFN30.**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF.**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 5: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 6: So sánh lợi suất lũy kế của 3 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



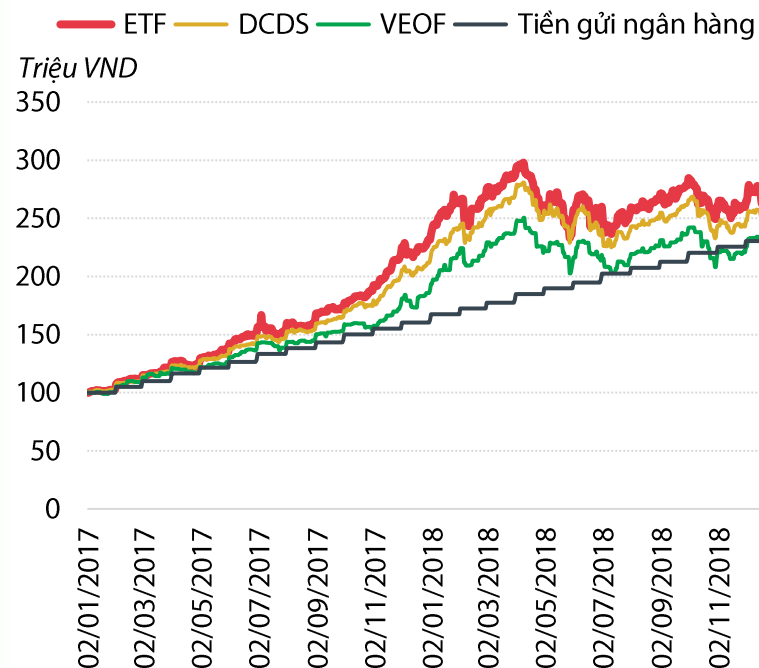
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp.

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ đầu năm 2017, không đầu tư thêm hàng tháng thì kết quả tại ngày 31/12/2018 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **134 triệu đồng, hơn 24 triệu so với để ngân hàng, hơn 3,4 triệu đồng so với quỹ DCDS (Dragon capital) và 24 triệu đồng so với quỹ VEOF (VinaCapital).**
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục ETF, DCDS đều có 100% số ngày có NAV lớn hơn so với khi để tiền gửi, trong khi với VEOF thì chỉ 99%** khi bị giảm khá mạnh vào cuối năm 2018.
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **15,9%**, với DCDS là **14,4%** gần ngang với mức **15,3%** của VN-index, quỹ VEOF chỉ đạt **5%.**
- **Trong chu kỳ uptrend-downtrend này quỹ chỉ có ETF lại có kết quả tốt hơn so với các quỹ tương hỗ với chiến lược đầu tư chủ động nhưng không quá khác biệt nếu so với quỹ DCDS. ETF hay các quỹ đầu tư đều có một sự tương quan lớn với nhau và với thị trường nhưng mức tăng và giảm lại khác nhau nên tạo ra các kết quả khác biệt.**

Điều kiện giả lập

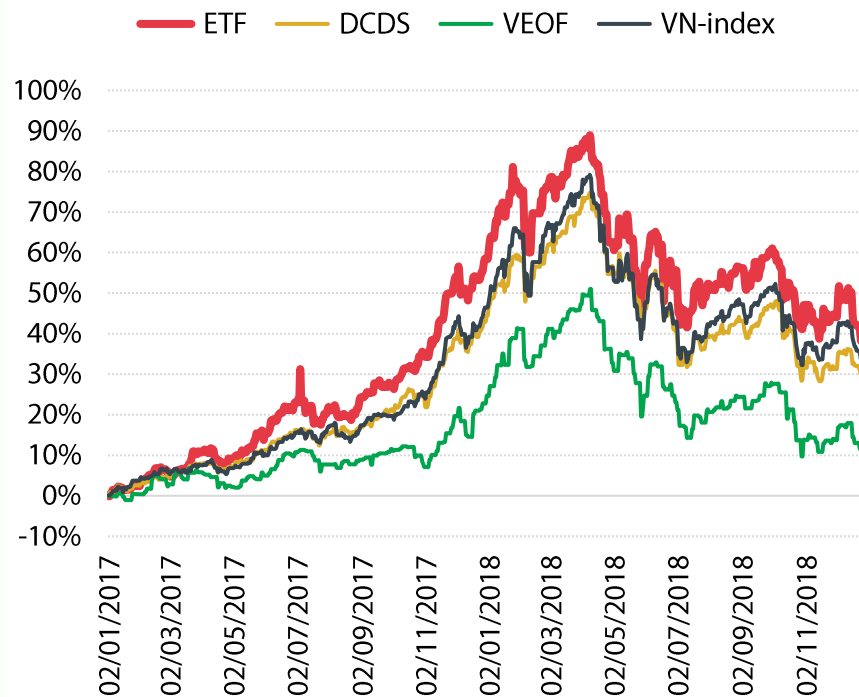
- Thời gian: **2/1/2017 – 31/12/2018 (một vòng chu kỳ uptrend-downtrend)**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **5 triệu đồng**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý**
- Danh mục ETF: **100% E1VFN30**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục

Hình 7: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 8: So sánh lợi suất lũy kế* của 3 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



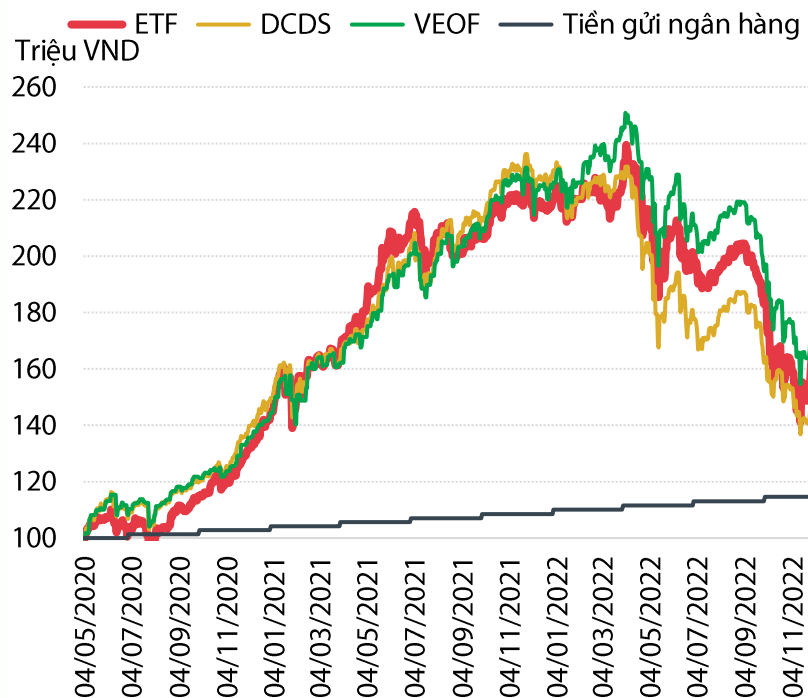
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp.*Ghi chú: Lợi suất lũy kế được tính theo phương pháp TWRR để loại bỏ tác động của việc thay đổi dòng tiền ra vào trong khi tính lợi suất

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ đầu năm 2017, đầu tư thêm 5 triệu đồng hàng tháng thì kết quả tại ngày 31/12/2018 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **257 triệu đồng**, hơn **27 triệu** so với **để ngân hàng**, hơn **10,5 triệu đồng** so với **quỹ DCDS (Dragon capital)** và **38 triệu đồng** so với **quỹ VEOF (VinaCapital)**.
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục ETF, DCDS đều có 100% số ngày có NAV lớn hơn so với khi để tiền gửi, trong khi với VEOF thì chỉ 90%** khi bị giảm khá mạnh vào cuối năm 2018.
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **18,5%**, cao hơn mức **14,4%** của DCDS và mức **15,3%** của VN-index, quỹ VEOF chỉ đạt **5,2%** thấp hơn mức lãi suất ngân hàng bình quân trong giả lập.
- **Trong chu kỳ uptrend-downtrend này quỹ chỉ có ETF lại có kết quả tốt hơn so với các quỹ tương hỗ với chiến lược đầu tư chủ động nhưng không quá khác biệt nếu so với quỹ DCDS. Việc bỏ tiền hàng tháng vào quỹ ETF trong giai đoạn biến động mạnh thời kỳ này là một lựa chọn khá tối ưu cho hiệu quả danh mục.**

Điều kiện giả lập

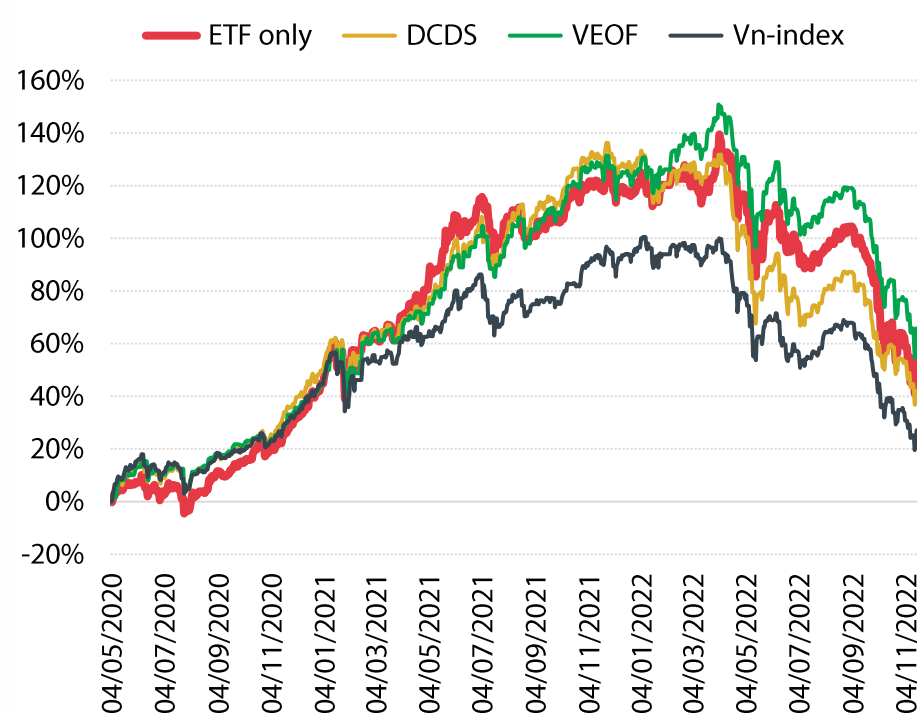
- Thời gian: **4/5/2020 – 1/12/2022 (một vòng chu kỳ uptrend-downtrend)**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **Không có**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý**
- Danh mục ETF: **50% E1VFN30, 50% FUEVFVND**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 9: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 10: So sánh lợi suất lũy kế của 3 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



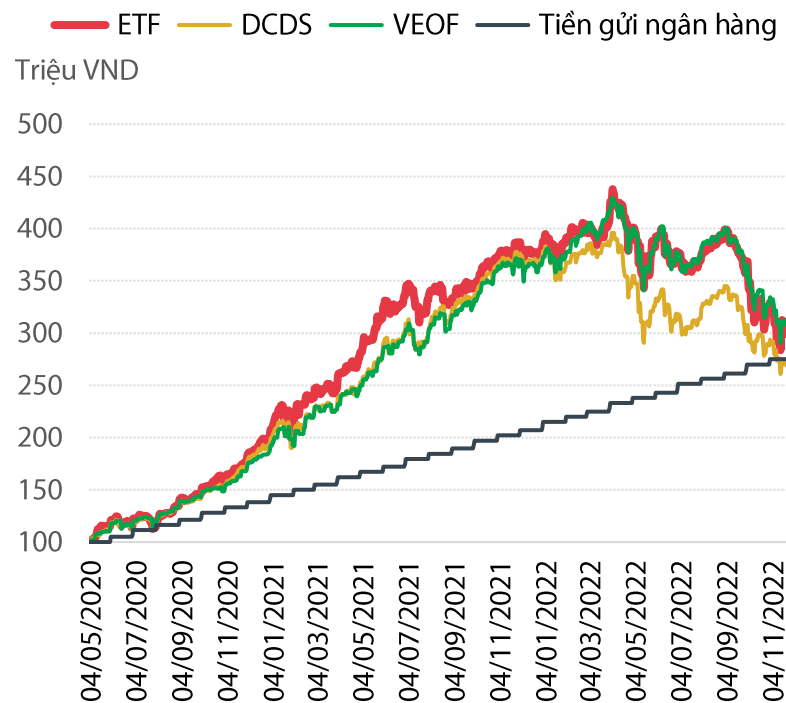
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp.

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ giữa năm 2020, không đầu tư thêm hàng tháng thì kết quả tại ngày 01/12/2022 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **166 triệu đồng**, hơn **52 triệu đồng** so với để ngân hàng, hơn **6,2 triệu đồng** so với quỹ DCDS (Dragon capital) nhưng ít hơn **10 triệu** so với quỹ VEOF (VinaCapital).
- Trong khoảng thời gian trên, **2 danh mục chủ động đều có 100% số ngày có NAV lớn hơn** so với khi để tiền gửi, trong khi với danh mục ETF thì chỉ **99%** khi giai đoạn đầu vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực bởi COVID (2020).
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **22%**, với DCDS là **17,9%** quỹ VEOF là **24,8%** đều cao hơn mức **12,6%** của VN-index.
- **Trong chu kỳ uptrend-downtrend này các quỹ chủ động có hiệu suất tốt hơn, đặc biệt với quỹ VEOF. Giai đoạn này thì 3 nhóm ngành Ngân hàng, Chứng khoán và Thép tăng rất mạnh nên quỹ ETF cũng có hiệu suất tốt theo và vượt nhiều so với thị trường.**
- **Đặc biệt trong chu kỳ này thì VEOF lại vượt trội so với DCDS hơn chu kỳ trước, điều này cho thấy với tùy quỹ với chiến lược đầu tư khác nhau thì kết quả của từng giai đoạn sẽ khác nhau, chiến lược hợp lý cho nhà đầu tư sẽ là “Không để trứng vào hết 1 giỏ”.**

Điều kiện giả lập

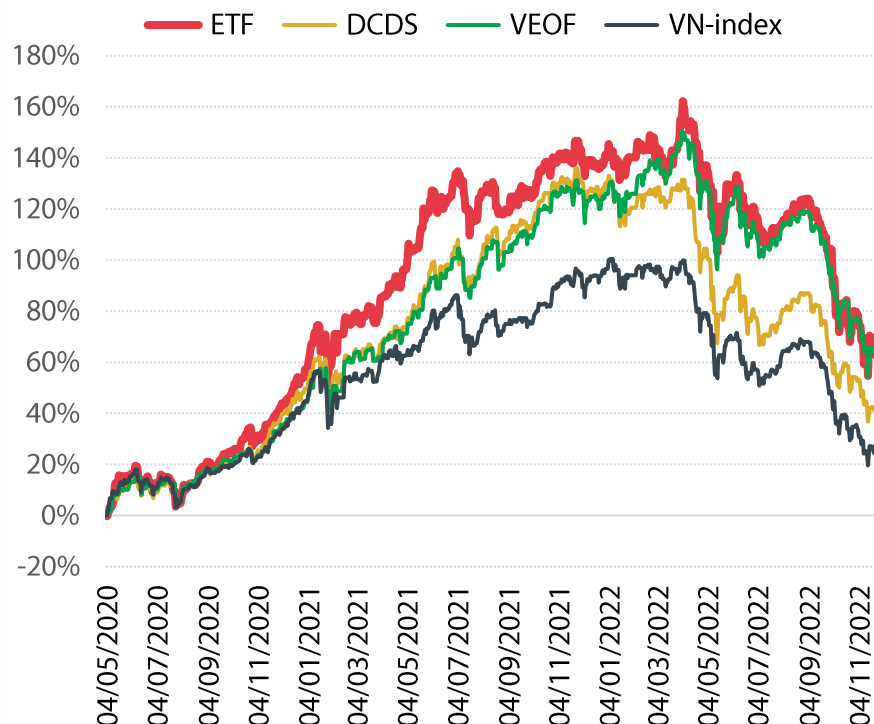
- Thời gian: **4/5/2020 – 1/12/2022 (một vòng chu kỳ uptrend-downtrend)**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **5 triệu đồng**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý**
- Danh mục ETF: **50% E1VFN30, 50% FUEVFVN2**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 11: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 12: So sánh lợi suất lũy kế* của 3 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



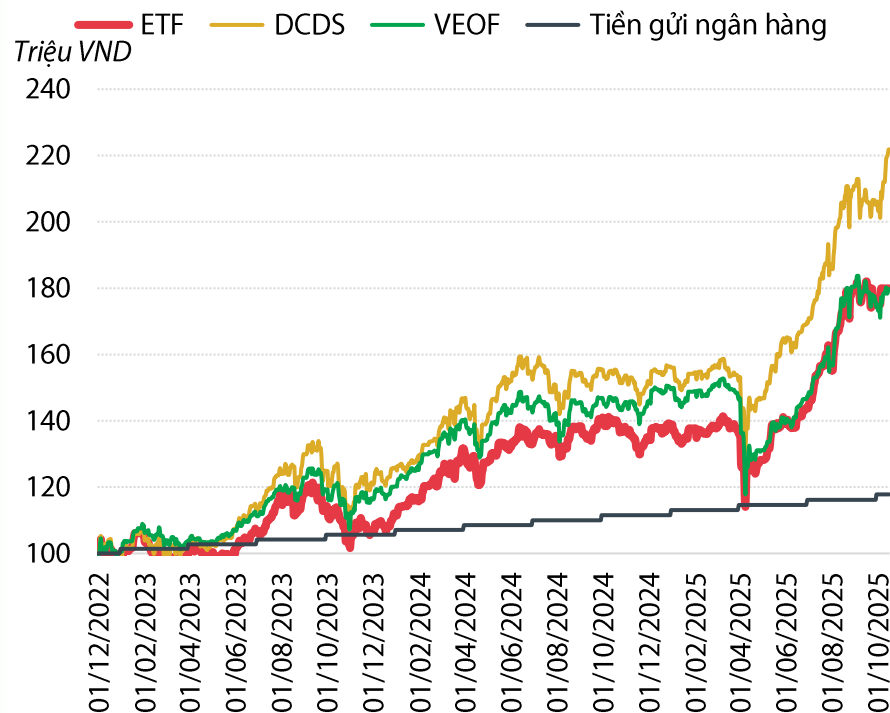
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. *Ghi chú: Lợi suất lũy kế được tính theo phương pháp TWRR để loại bỏ tác động của việc thay đổi dòng tiền ra vào trong khi tính lợi suất

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ giữa năm 2020, đầu tư thêm 5 triệu đồng hàng tháng thì kết quả tại ngày 01/12/2022 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **340 triệu đồng, hơn 60,2 triệu đồng so với để ngân hàng, hơn 43 triệu đồng so với quỹ DCDS (Dragon capital) và hơn 2,5 triệu so với quỹ VEOF (VinaCapital).**
- Trong khoảng thời gian trên, **2 danh mục ETF và VEOF đều có 100% số ngày có NAV lớn hơn so với khi để tiền gửi, trong khi với danh mục DCDS thì chỉ 98%** khi giai đoạn downtrend quỹ giảm rất sâu.
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **26,4%**, với DCDS là **17,9%**, quỹ VEOF là **24,8%** đều cao hơn mức **12,6%** của VN-index.
- **Việc giữ kỷ luật đầu tư liên tục bất chấp khi thị trường đang uptrend hay downtrend vào các quỹ đầu tư thụ động hay chủ động trong giai đoạn này đều có kết quả rất tốt so với khi bỏ tiền vào ngân hàng.**

Điều kiện giả lập

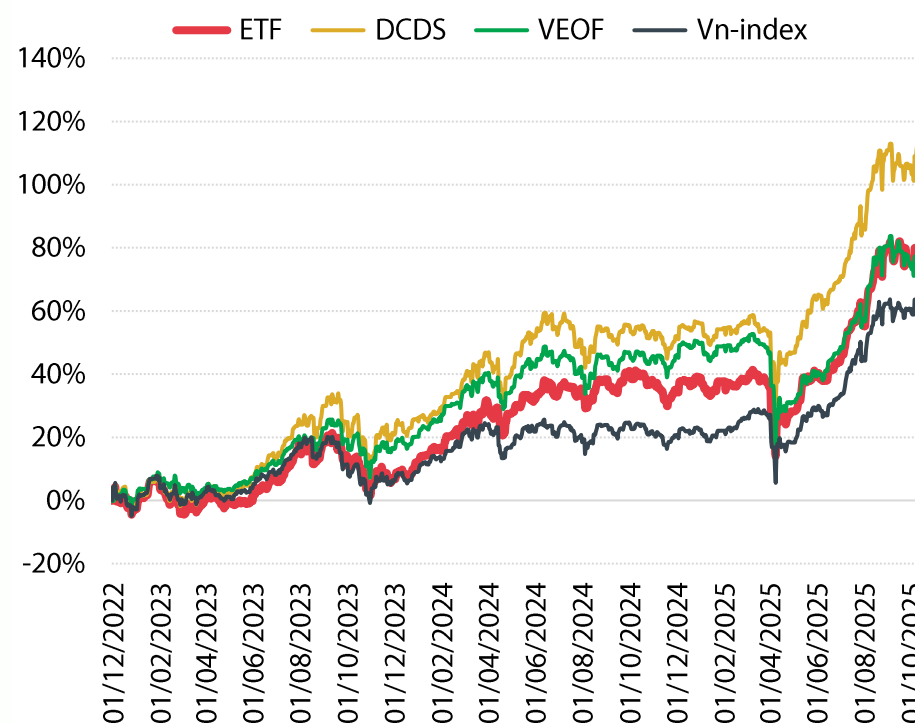
- Thời gian: **1/12/2022 – 17/10/2025.**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng.**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **Không có**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý.**
- Danh mục ETF: **50% E1VFN30, 50% FUEVFN30.**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 13: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 14: So sánh lợi suất lũy kế của 3 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



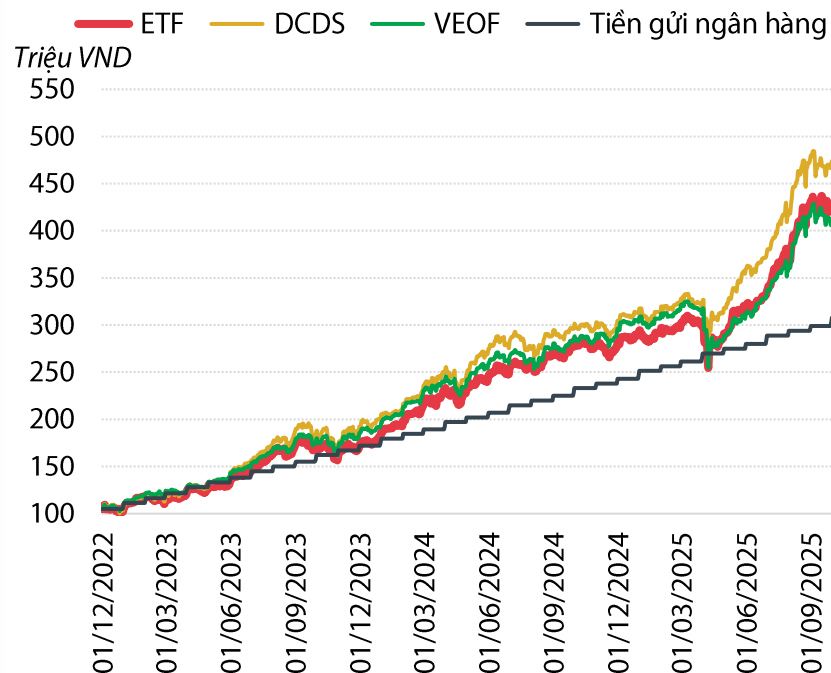
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp.

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ cuối năm 2022, không đầu tư thêm hàng tháng thì kết quả tại ngày 17/10/2025 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **179 triệu đồng, hơn 62 triệu đồng so với để ngân hàng, ngang với quỹ VEOF (VinaCapital) nhưng ít hơn 41 triệu so với quỹ DCDS (Dragon Capital).**
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục ETF có 85% số ngày có NAV lớn hơn tiền gửi ngân hàng, DCDS có 95% trong khi VEOF có 99%.**
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm với danh mục ETF là **22,8%**, với DCDS là **30,1%** quỹ VEOF là **22,4%** đều cao hơn mức **18,8%** của VN-index khi động lực tăng trưởng của thị trường trong giai đoạn này chủ yếu nằm ở nhóm các công ty lớn (blue-chip).
- **Trong chu kỳ mới nhất này việc đầu tư vào ETF vẫn mang lại lợi suất tốt so với tiền gửi ngân hàng, thậm chí ngang với quỹ chủ động VEOF nhưng thua quỹ DCDS.**

Điều kiện giả lập

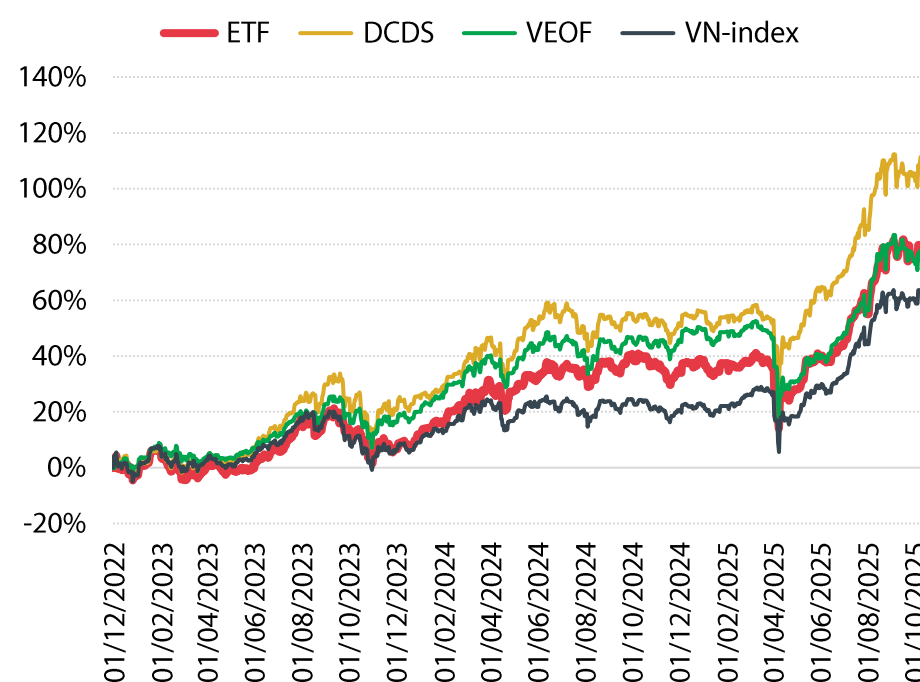
- Thời gian: **1/12/2022 – 17/10/2025**.
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng**.
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **5 triệu đồng**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý.**
- Danh mục ETF: **50% E1VFN30, 50% FUEVFN30.**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF.**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 13: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 14: So sánh lợi suất lũy kế* của 3 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



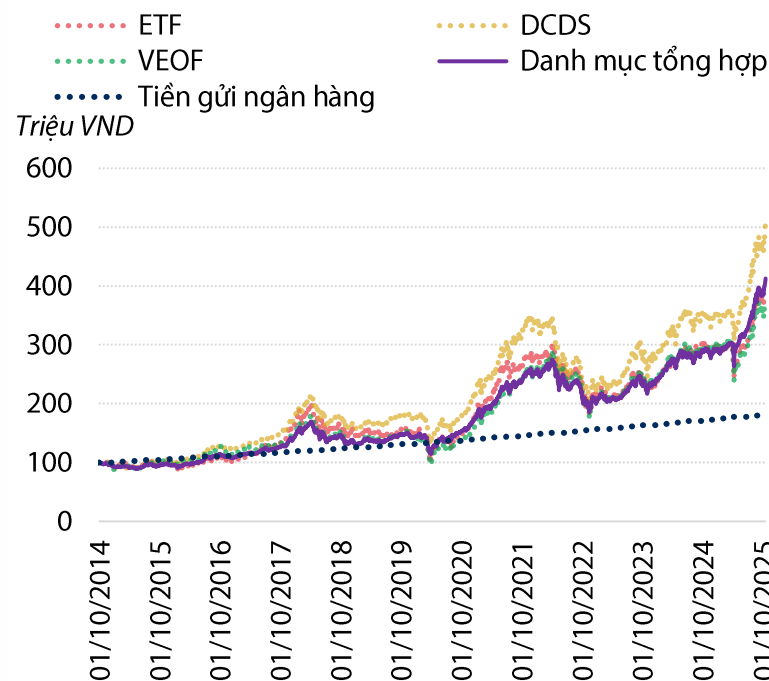
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. *Ghi chú: Lợi suất lũy kế được tính theo phương pháp TWRR để loại bỏ tác động của việc thay đổi dòng tiền ra vào trong khi tính lợi suất

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ ETF ngày từ cuối năm 2022, đầu tư thêm 5 triệu đồng hàng tháng thì kết quả tại ngày 17/10/2025 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **437 triệu đồng**, hơn 129 triệu đồng so với để ngân hàng, hơn 13 triệu đồng so với quỹ VEOF (VinaCapital) nhưng ít hơn 72 triệu so với quỹ DCDS (Dragon Capital).
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục ETF có 85% số ngày có NAV lớn hơn tiền gửi ngân hàng, DCDS có 95% trong khi VEOF có 99%.**
- Trong giai đoạn trên, chỉ có lợi suất trung bình của ETF, DCDS và VEOF đều hơn VN-index (18,7%) lần lượt là **22,7%, 31,8%, 22,6%**
- **Trong chu kỳ mới nhất này việc đầu tư vào ETF vẫn mang lại lợi suất tốt so với tiền gửi ngân hàng, thậm chí ngang với quỹ chủ động VEOF nhưng thua DCDS. Việc đầu tư đều hàng tháng vào các sản phẩm tài chính trong chu kỳ này vẫn đang mang lại kết quả tốt.**

Điều kiện giả lập

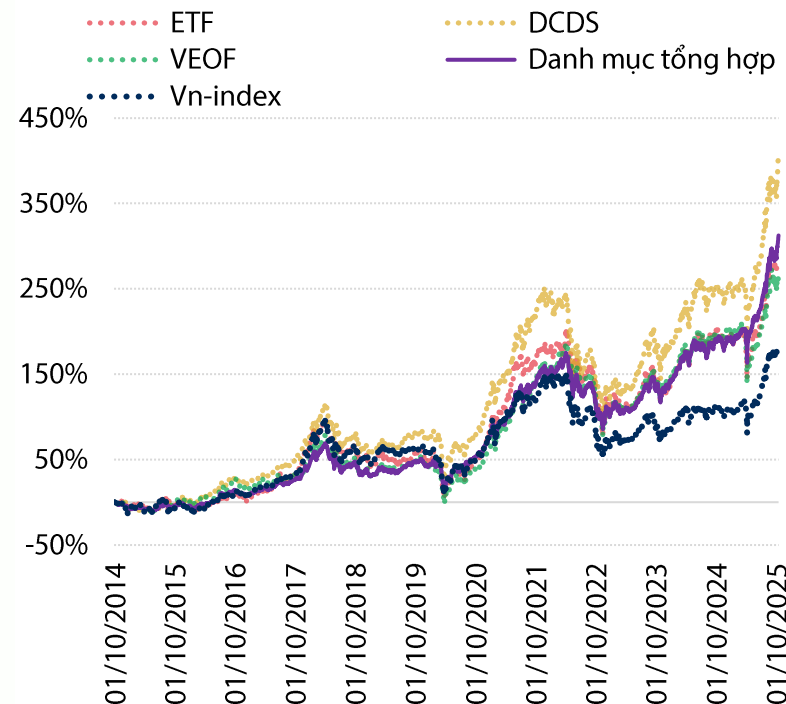
- Thời gian: **1/10/2014 – 17/10/2025**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **Không có**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý**
- Danh mục ETF:
 - Giai đoạn 1/10/2014 – 31/12/2020: **Danh mục 100% E1VFN30**
 - Giai đoạn 1/1/2021 – 17/10/2025: **Danh mục 50% E1VFN30, 50% FUEVFVN2**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF**
- **Danh mục Tổng hợp (25% thụ động, 50% chủ động, 25% vàng):**
 - Giai đoạn 1/10/2014 – 31/12/2020: **25% E1VFN30, 25% DCDS, 25% VEOF, 25% Vàng.**
 - Giai đoạn 1/1/2021 – 17/10/2025: **12,5% E1VFN30, 12,5% FUEVFVN2, 25% DCDS, 25% VEOF, 25% Vàng.**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 15: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 16: So sánh lợi suất lũy kế* của 4 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



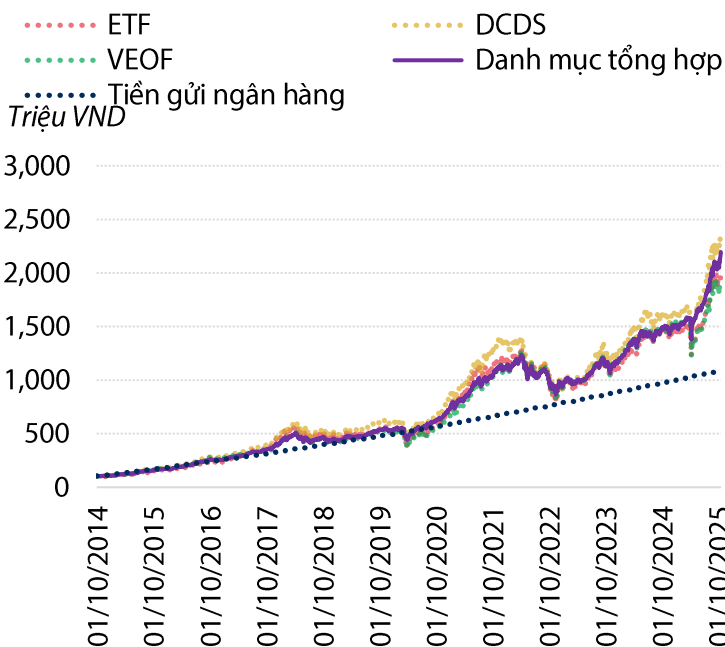
Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. *Ghi chú: Lợi suất lũy kế được tính theo phương pháp TWRR để loại bỏ tác động của việc thay đổi dòng tiền ra vào trong khi tính lợi suất

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ **Danh mục tổng hợp**, không đầu tư thêm hàng tháng thì kết quả tại ngày 17/10/2025 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **412 triệu đồng, hơn 230 triệu đồng so với để ngân hàng, hơn 48 triệu so với VEOF, 31 triệu so với ETF nhưng ít hơn 91 triệu so với DCDS.**
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục Tổng hợp có 79% số ngày có NAV lớn hơn tiền gửi ngân hàng, con số này của ETF, DCDS, VEOF lần lượt là 76%, 86%, 81%.**
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm của danh mục Tổng hợp là **13,7%** chỉ thua con số **15,8%** của DCDS nhưng cao hơn ETF, VEOF và VN-index lần lượt là **12,9%, 12,4% và 9,7%**
- Danh mục tổng hòa giữa thụ động, chủ động và vàng sẽ giúp nhà đầu tư có hết các tính chất tốt nhất của từng sản phẩm: **(1) Khả năng theo sát thị trường của quỹ thụ động, (2) Khả năng tạo ra alpha (mức hơn thị trường) của các quỹ chủ động và (3) Sự ổn định của vàng.**

Điều kiện giả lập

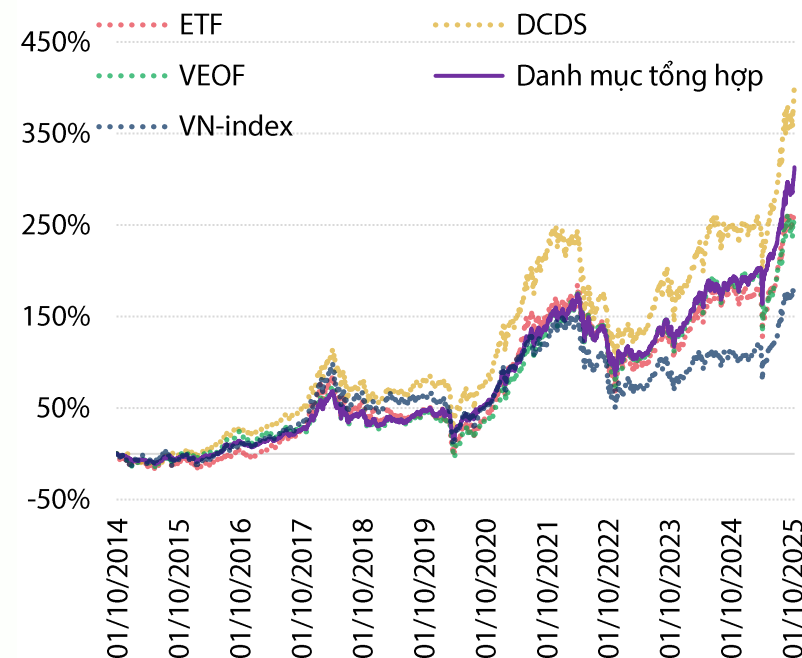
- Thời gian: **1/10/2014 – 17/10/2025**
- Số vốn ban đầu: **100 triệu đồng**
- Số vốn bỏ vào hàng tháng: **5 triệu đồng**
- Tiền gửi ngân hàng: **Lãi suất 5,5%/năm, tính lãi hàng quý**
- Danh mục ETF:
 - Giai đoạn 1/10/2014 – 31/12/2020: **Danh mục 100% E1VFN30.**
 - Giai đoạn 1/1/2021 – 17/10/2025: **Danh mục 50% E1VFN30, 50% FUEVFN30.**
- Danh mục chủ động: **DCDS và VEOF.**
- **Danh mục Tổng hợp (25% thụ động, 50% chủ động, 25% vàng):**
 - Giai đoạn 1/10/2014 – 31/12/2020: **25% E1VFN30, 25% DCDS, 25% VEOF, 25% Vàng**
 - Giai đoạn 1/1/2021 – 17/10/2025: **12,5% E1VFN30, 12,5% FUEVFN30, 25% DCDS, 25% VEOF, 25% Vàng**
- Chiến lược tái cơ cấu: Mua và nắm giữ, chỉ tái cơ cấu khi có sự thay đổi danh mục.

Hình 15: Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của các danh mục



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. Ghi chú: Danh mục ETF, DCDS và VEOF chưa tính phí hàng năm

Hình 16: So sánh lợi suất lũy kế* của 4 danh mục với lợi suất lũy kế của VN-index



Nguồn: FinproX, VDSC tổng hợp. *Ghi chú: Lợi suất lũy kế được tính theo phương pháp TWRR để loại bỏ tác động của việc thay đổi dòng tiền ra vào trong khi tính lợi suất

- Với điều kiện giả lập này, nếu nhà đầu tư có 100 triệu đồng, đầu tư và nắm giữ **Danh mục tổng hợp**, đầu tư thêm 5 triệu đồng hàng tháng thì kết quả tại ngày 17/10/2025 số tiền nhà đầu tư sẽ có là **1,9 tỷ đồng**, hơn **855 triệu đồng** so với **đề ngân hàng**, hơn **292 triệu** so với **VEOF**, **241 triệu** so với **ETF** và **thua DCDS 202 triệu đồng**.
- Trong khoảng thời gian trên, **danh mục Tổng hợp có 83% số ngày có NAV lớn hơn tiền gửi ngân hàng**, con số này của **ETF, DCDS, VEOF lần lượt là 73%, 88% và 78%**
- Trong giai đoạn trên, lợi suất trung bình hàng năm của mọi danh mục đều hơn VN-index ở mức **9,7%** khi danh mục Tổng hợp đạt **13,7%**, danh mục ETF đạt **12,3%**, danh mục DCDS đạt **15,7%** và danh mục VEOF đạt **12,1%**.
- **Khi bỏ tiền vào hàng tháng thì danh mục Tổng hợp này sẽ mạnh mẽ hơn vì từng giai đoạn thì mỗi danh mục sẽ phát huy thế mạnh của mình theo cách khác nhau, nhưng khi Tổng hợp vào một danh mục thì điểm mạnh của từng sản phẩm sẽ bù đắp cho điểm yếu của các sản phẩm còn lại trong mọi giai đoạn, giúp cho cả quá trình dễ chịu hơn về tâm lý.**

ETF tại Việt Nam vẫn chưa đa dạng

Dù có các tính chất phù hợp với các nhà đầu tư mới trong nước và các nhà đầu tư chuyên nghiệp tại nước ngoài nhưng do thị trường vẫn chịu ảnh hưởng lớn của ngành Ngân hàng, Chứng khoán & Bất động sản nên số lượng cũng như độ lớn của ETF còn thấp.

ETF là một lựa chọn tốt cho nhà đầu tư mới trong dài hạn

Dù số lượng ETF còn ít nhưng đầu tư vào các quỹ ETF có thanh khoản tốt vẫn mang lại hiệu quả tốt hơn so với khi để tại ngân hàng, thậm chí đôi lúc có hiệu quả tốt hơn so với các quỹ tương hỗ. Nhà đầu tư cả không chuyên và chuyên nghiệp đều có thể xem xét đầu tư vào các quỹ ETF hàng tháng để lưu giữ tài sản của mình hiệu quả trong dài hạn

Không cần lựa chọn mà hãy chọn hết các quỹ/tài sản vào trong danh mục của mình

Quỹ mở hay ETF hay Vàng đều có những điểm mạnh và điểm yếu trong từng giai đoạn thị trường. Thay vì phải “lựa chọn gì tốt nhất” thì nhà đầu tư có thể đa dạng hóa và phân bổ đều các tài sản này trong danh mục của mình. Điều quan trọng là kỷ luật khi trong ngắn hạn, tài khoản có thể xấu đi nhưng trong dài hạn kết quả sẽ tốt hơn nhiều so với việc lựa chọn để tiền nhàn rỗi ở ngân hàng. Với ETF, hai quỹ có thanh khoản lớn nhất là E1VFN30 và FUEVFN30 là lựa chọn thích hợp nhất.

PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Bộ phận Phân tích kỹ thuật

Nguyễn Đại Hiệp
Giám đốc
hiep.nd@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006
(1291)

Nguyễn Huy Phương
Trưởng phòng
phuong.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006 (1241)

Trần Trung Hiếu
Chuyên viên cao cấp
hieu1.nm@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006 (1601)

Bộ phận Phân tích cơ bản

Đặng Phú
Trưởng phòng
phu.d@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006

Lê Thụy Tường Vy
Chuyên viên cao cấp
vy.ltt@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006

Bộ phận dữ liệu

Nguyễn Trần Gia Hưng
Trưởng phòng
hung.ntg@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Đoàn Hoàng Gia Bảo
Chuyên viên cao cấp
bao.dhg@vdsc.com.vn
+ 84 28 62992006

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
 ☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vds.com.vn
 🌐 www.vds.com.vn 📠 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, 02 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

☎ (+84) 24 6288 2006
 ☎ (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, 76 Quang Trung, Phường Nha Trang, Thành phố Khánh Hòa

☎ (+84) 25 8382 0006
 ☎ (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank, 95-97-99 Võ Văn Tần, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

☎ (+84) 29 2381 7578
 ☎ (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÁU

Tầng 2 Tòa nhà VCCI Building, 155 đường Nguyễn Thái Học, Phường Tam Thăng, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

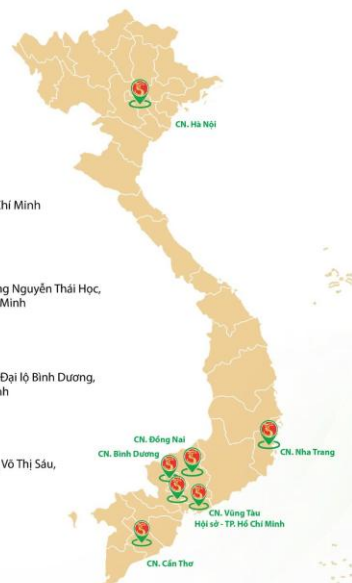
Tầng 3 Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, 53-55 đường Võ Thị Sáu, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai

☎ (+84) 25 1777 2006



DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025
 GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**